

# NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG\* - NGUYỄN THỊ LAN ANH\*\*

*Tóm tắt: Dữ liệu điện tử được Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bổ sung là nguồn của chứng cứ và có giá trị chứng minh như các nguồn chứng cứ truyền thống khác. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng của quy định pháp luật tố tụng dân sự về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về nguồn chứng cứ này.*

*Từ khóa: Chứng cứ, tố tụng dân sự, dữ liệu điện tử*

*Ngày nhận bài: 23/6/2023; Biên tập xong: 30/7/2023; Duyệt đăng: 10/8/2023*

## ELECTRONIC DATA AS A SOURCE OF EVIDENCE IN CIVIL PROCEEDINGS

**Abstract:** Electronic data is supplemented by the 2015 Civil Procedure Code as a source of evidence, having the same probative value as other traditional sources of evidence. The article examines and evaluates the current situation of the civil procedure regulations on electronic data as a source of evidence; thereby proposes some recommendations to improve the law on that matter.

**Keywords:** Evidence, civil procedure, electronic data

**Received:** Jun 23th, 2023; **Editing completed:** Jul 30th, 2023; **Accepted for publication:** Aug 10th, 2023

### 1. Đặt vấn đề

Việc bổ sung dữ liệu điện tử (DLĐT) làm nguồn của chứng cứ được xem là một điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 so với BLTTDS trước đây. Điều này đã giải quyết được hai vấn đề quan trọng: Đáp ứng kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ và tạo ra sự đồng bộ, phù hợp với luật chuyên ngành là Luật Giao dịch điện tử (Luật GDĐT) năm 2005<sup>1</sup>. Tuy nhiên, để áp dụng nguồn chứng cứ này vào thực tiễn giải quyết vụ án thì còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu phân tích làm rõ, chẳng hạn như tên gọi “dữ liệu điện tử” đã phù hợp hay chưa, điều kiện để được xác định là chứng cứ, vấn đề về thu thập chứng cứ... Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá quy định của pháp luật về nguồn chứng cứ này, từ đó có những

kiến nghị sửa đổi kịp thời nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định này trong thực tiễn là hết sức cần thiết.

### 2. Quy định về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số đã làm thay đổi các hình thức giao dịch thương mại trên thế giới<sup>2</sup> cũng như các hình thức giao dịch khác trong dân sự, từ việc mua bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ truyền thông sang cách thức giao kết thông qua các phương tiện điện tử, dựa trên dữ liệu mà không cần phải

\* Email: Hangntt@gmail.com

Tiến sĩ, Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế

\*\* Email: Anhntl@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế

<sup>2</sup> Miriyeva Narmin (2021), *Free Trade and E-Commerce: Is There Any Influence on Each Other?*, Law Series of The Annals of the West University of Timisoara, [http://acta.bibl.u-szeged.hu/72790/1/forum\\_doctorandorum\\_2020\\_129-139.pdf](http://acta.bibl.u-szeged.hu/72790/1/forum_doctorandorum_2020_129-139.pdf), tr.163, truy cập ngày 11/02/2023.

<sup>1</sup> Điều 14 Luật GDĐT năm 2005 quy định thông điệp điện tử có giá trị làm chứng cứ.

trực tiếp gặp mặt, trao đổi<sup>3</sup>. Vì vậy, khi phát sinh tranh chấp thì các nguồn thông điệp từ DLĐT sẽ minh chứng cho ý chí, thỏa thuận của các bên giao kết. Để đáp ứng kịp với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung “dữ liệu điện tử” là một trong các nguồn của chứng cứ. Có thể nói, đây là sự bổ sung kịp thời của nhà làm luật nhằm đáp ứng kịp với sự phát triển của thời đại công nghệ số.

Mặc dù quy định DLĐT là nguồn của chứng cứ nhưng BLTTDS năm 2015 không xây dựng khái niệm về DLĐT. Tuy nhiên, chúng ta có thể tìm thấy quy định này trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, theo đó khoản 1 Điều 99 của Bộ luật quy định: “Dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử”. Quy định này cũng tương đồng với khái niệm về dữ liệu được quy định trong Luật GDĐT năm 2005<sup>4</sup>.

Việc xây dựng quy định về DLĐT nêu trên là không sai, tuy nhiên việc xác định DLĐT là nguồn của chứng cứ thì chưa hợp lý, chúng tôi cho rằng thuật ngữ đúng phải là “thông điệp dữ liệu điện tử”. Vì có sự khác nhau giữa DLĐT và thông điệp DLĐT. Bản thân “dữ liệu” thường ở dạng thô, tự nó là vô nghĩa nên khi truyền đi hoặc nhận bởi các phương tiện điện tử thì người nhận, người gửi cũng không thể biết và không hiểu được nội dung của DLĐT đó. Chỉ

khi dữ liệu đó được phân tích, giải thích dưới dạng thông tin thì mọi người mới hiểu được nội dung của nó. Vấn đề này được thể hiện rất rõ trong bài viết “Data vs Informations: What’s the difference?”, cụ thể là “dữ liệu là một tập hợp các sự kiện, trong khi thông tin đặt những sự kiện đó vào ngữ cảnh. Trong khi dữ liệu thô và không được tổ chức thì thông tin được tổ chức. Thông tin vạch ra dữ liệu đó để cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về cách tất cả khớp với nhau. Dữ liệu, tự nó, là vô nghĩa, khi nó được phân tích và giải thích, nó sẽ trở thành thông tin có ý nghĩa. Dữ liệu không đủ để đưa ra quyết định, nhưng có thể đưa ra quyết định dựa trên thông tin”<sup>5</sup>. Theo từ điển trực tuyến của Trường Đại học Oxford, dữ liệu là sự kiện và số liệu thống kê được thu thập với nhau để tham khảo hoặc phân tích; hoặc là số lượng, ký tự, hoặc ký hiệu mà trên đó các hoạt động được thực hiện bởi máy tính, có thể được lưu trữ và truyền đi dưới dạng tín hiệu điện tử và ghi lại bằng các phương pháp ghi âm từ tính, quang học hoặc cơ khí<sup>6</sup>. Thông tin (trong lĩnh vực điện toán) là dữ liệu đã xử lý, lưu trữ hoặc truyền qua một máy tính<sup>7</sup>. Như vậy, bản thân DLĐT là vô nghĩa, chỉ khi dữ liệu đó được tập hợp, được sắp xếp một cách có trật tự, có nội dung thì nó mới có nghĩa - lúc này được gọi là thông tin. Thông điệp DLĐT chính là tập hợp các thông tin DLĐT được tạo ra, được truyền tải đi, được nhận và được

<sup>3</sup> Nguyễn Lê Bảo Trâm (2022), *Quy định của CPTPP về tự do hóa thương mại điện tử và vấn đề kiểm soát giữ liệu điện tử*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.9.

<sup>4</sup> Khoản 5 Điều 4 Luật GDĐT năm 2005.

<sup>5</sup> Jon Hill, *Data vs Informations: What’s the difference?*, <https://bloomfire.com/blog/data-vs-information/>, truy cập ngày 15/01/2023.

<sup>6</sup> <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/data>, truy cập ngày 19/02/2023.

<sup>7</sup> <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/information>, truy cập ngày 19/02/2023.

lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

Cũng có thể nhà làm luật cho rằng, DLĐT chỉ được xác định là chứng cứ khi nó được thể hiện dưới dạng thông điệp điện tử, vì khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 về xác định chứng cứ quy định: “Thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”. Bản chất điều khoản này đang diễn đạt hình thức thể hiện của thông điệp DLĐT, chứ không phải điều kiện để DLĐT được xác định là chứng cứ. Chúng tôi cho rằng nhà làm luật cũng không chắc chắn về quy định này, vì tất cả nguồn của chứng cứ được quy định tại Điều 95 BLTTDS năm 2015 đều được kết luận là “được coi là chứng cứ nếu...” và tùy thuộc vào từng nguồn để luật quy định điều kiện kèm theo là gì. Chẳng hạn như: “Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận; hoặc Biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ được coi là chứng cứ nếu việc thẩm định được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định”..., nhưng đối với nguồn DLĐT thì không có cụm từ “được coi là chứng cứ nếu...”, mà chỉ quy định thông điệp DLĐT được thể hiện dưới hình thức như chứng từ điện tử, thư điện tử...

Mặt khác, bản thân nguồn nào đó được xem là chứng cứ thì nguồn đó đã phải thể hiện được (chứa đựng) các thông tin cần thiết nhất định. Chẳng hạn như tất cả các nguồn còn lại (tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, DLĐT; Vật

chứng; Lờ khai của đương sự; Lờ khai của người làm chứng; Kết luận giám định; Biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ; Kết quả định giá tài sản, thẩm định giá tài sản; Văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập; Văn bản công chứng, chứng thực), khi xem các nguồn này mọi người đều tiếp cận được nội dung của nó, còn việc nó có được xác định là chứng cứ hay không thì phụ thuộc vào trình tự, thủ tục thu thập, giao nộp và cung cấp chứng cứ đó. Đối với DLĐT như đã phân tích ở trên, nếu chỉ ở mức độ dữ liệu mà chưa qua xử lý dưới dạng thông tin thì người tiếp cận không biết đó là gì, nên việc thu thập, giao nộp DLĐT cũng không giải quyết được các vấn đề cần chứng minh. Vì vậy, nguồn chứng cứ phải là “thông điệp DLĐT”, bởi bản thân “thông điệp DLĐT” đã chứa đựng được các thông tin, các nội dung cần thiết và khi mở thông điệp DLĐT, chúng ta có thể biết được nó đang chứa đựng những nội dung gì. Tuy nhiên, khi nào “thông điệp DLĐT” được xem là chứng cứ thì phải phụ thuộc vào quy trình thu thập, cung cấp có đúng với quy định của pháp luật hay không. Vấn đề này có thể được minh chứng qua bản án sau đây: *Bản án số 20/2019/KDTM-PT ngày 12/8/2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử (Bản án số 01).*

Trong bản án này, Tòa án đã không chấp nhận chứng cứ điện tử. Cụ thể, phía bị đơn là Công ty TNHH SX DN hàng hóa và nguyên đơn là Công ty TNHH CN B. Phía bị đơn cung cấp chứng cứ cho rằng, nguyên đơn đã giao hàng hóa kém chất lượng nên khi bị đơn xuất khẩu hàng hóa này đã bị khách hàng yêu cầu

bồi thường và phạt tiền; chứng cứ điện tử là văn bản gửi qua email. Tuy nhiên, các chứng cứ trên gửi qua email đều có nội dung là tiếng nước ngoài, chưa được dịch sang tiếng Việt, không được chứng thực theo quy định tại khoản 3 Điều 96 BLTTDS năm 2015 và không rõ người gửi, không rõ mối quan hệ giữa người gửi và bị đơn nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem các email mà bị đơn cung cấp là chứng cứ<sup>8</sup>.

Với ví dụ nêu trên, email chính là thông điệp DLĐT được thể hiện dưới hình thức thư điện tử. Như vậy, trong nội dung thư điện tử này đã thể hiện các thông tin như “về việc phản ánh hàng kém chất lượng và phạt trừ tiền bán hàng của bị đơn”. Tuy nhiên, nó không được Tòa án chấp nhận do quá trình giao nộp, cung cấp chứng cứ không bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015: “Đương sự giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ bằng tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực hợp pháp”.

Trong một bản án khác, *Bản án số 14/2020/KDTM-PT ngày 28/9/2020 về tranh chấp hợp đồng gia công do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử (Bản án số 2)*.

Trong bản án này, Tòa án đã chấp nhận thông điệp DLĐT được thể hiện dưới hình thức thư điện tử là email, cụ thể phần nhận định của Tòa án có viết: “Email ngày 21/3/2019 bị đơn đã gửi cho

<sup>8</sup> Dương Sao, Hoàn thiện quy định về chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự, <https://www.qdnd.vn/xahoi/cac-van-de/hoan-thien-quy-dinh-ve-chung-cu-dien-tu-trong-to-tung-dan-su-658592>, truy cập ngày 12/02/2023.

nguyên đơn có nội dung được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh, chưa bị thay đổi; toàn bộ nội dung email này được bị đơn thừa nhận. Do đó, thư điện tử (email) ngày 21/3/2019 có giá trị pháp lý và được chấp nhận là tài liệu chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án”.

Sở dĩ trong bản án nêu trên, Tòa án chấp nhận thông điệp DLĐT email là chứng cứ vì Tòa án căn cứ vào Điều 13 và Điều 14 Luật GDĐT năm 2005. Theo đó, email này thỏa mãn các điều kiện như nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh; nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết và thông điệp dữ liệu được bảo đảm độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu<sup>9</sup>.

Việc nghiên cứu hai bản án trên cho thấy, ở Bản án thứ 1 Tòa án không chấp nhận email là chứng cứ do việc giao nộp tài liệu, chứng cứ bằng email không đúng. Vì vậy, Tòa án không xem xét các vấn đề khác để xác định chứng cứ như có bảo đảm sự toàn vẹn, bảo đảm độ tin cậy của cách thức khởi tạo hay không... Ở bản án thứ 2, Tòa án chấp nhận email là chứng cứ, có nghĩa là nó bảo đảm về quá trình giao nộp và thỏa mãn các điều kiện quy định Điều 13 và Điều 14 Luật GDĐT năm 2005. Bản thân email là chứng cứ điện tử - là một trong những hình thức

<sup>9</sup> Bản án số 14/2020/KDTM-PT ngày 28/9/2020 về tranh chấp hợp đồng gia công do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử, phần “Nhận định của tòa án”, mục 3.

thể hiện của thông điệp DLĐT. Như vậy, không phải cứ thông điệp DLĐT là được Tòa án chấp nhận là chứng cứ mà phụ thuộc vào quá trình thu thập, giao nộp thông điệp DLĐT đó. Do đó, có thể kết luận BLTTDS năm 2015 quy định nguồn chứng cứ DLĐT là không hợp lý mà phải là “thông điệp DLĐT”.

Mặt khác, việc nghiên cứu Luật GDĐT năm 2005 cũng cho thấy, khi quy định về giá trị sử dụng để làm chứng cứ, văn bản luật này sử dụng thuật ngữ “thông điệp DLĐT” chứ không phải là “DLĐT”, cụ thể là tại Điều 13, Điều 14 quy định về các điều kiện để thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ.

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị rằng, khoản 1 Điều 95 BLTTDS năm 2015 nên quy định nguồn của chứng cứ là “thông điệp dữ liệu điện tử” thay vì quy định “dữ liệu điện tử” như hiện nay.

### **3. Điều kiện để thông điệp dữ liệu điện tử được xác định là chứng cứ**

BLTTDS năm 2015 quy định “chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”<sup>10</sup>. Như vậy, bất kỳ một nguồn chứng cứ nào muốn trở thành chứng cứ phải được giao nộp, xuất trình, thu thập hợp pháp và được Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

Điều 95 BLTTDS năm 2015 quy định

<sup>10</sup> Điều 93 BLTTDS năm 2015.

các điều kiện để nguồn của chứng cứ được xác định là chứng cứ, trong đó nguồn là thông điệp DLĐT được quy định tại khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, như đã phân tích ở mục 1, khoản 3 của Điều luật này không phải quy định điều kiện để xác định thông điệp DLĐT là chứng cứ mà đang diễn đạt hình thức thể hiện của thông điệp DLĐT. Ngoài ra, nếu quy định hình thức thể hiện của thông điệp DLĐT thì cũng chưa chính xác hoàn toàn, cụ thể là “thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”. Như đã đề cập ở trên, thông điệp DLĐT có chứa đựng các thông tin, còn DLĐT tự nó không có nghĩa mà cần sự sắp xếp có trật tự DLĐT với nhau. Vì vậy, quy định thông điệp DLĐT được thể hiện dưới hình thức trao đổi DLĐT là không chính xác. Mặt khác, việc diễn đạt như vậy cũng không thật sự rõ nghĩa, bản chất là một vòng luẩn quẩn, lấy chính thuật ngữ cần xây dựng khái niệm để định nghĩa cho hình thức thể hiện của chính nó. Chúng tôi cho rằng, chỉ nên quy định thông điệp DLĐT được thể hiện dưới hình thức là chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Như vậy, BLTTDS năm 2015 không quy định điều kiện để xác định thông điệp DLĐT là chứng cứ, nên chúng ta có thể tham khảo Luật GDĐT năm 2005. Theo đó, Điều 13 Luật GDĐT năm 2005 quy định: “Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc khi đáp ứng được các

điều kiện sau đây: (1) Nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh; Nội dung của thông điệp dữ liệu được xem là toàn vẹn khi nội dung đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu; (2) Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết". Điều 14 Luật GDĐT năm 2005 quy định: "(1) Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu; (2) Giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác".

Chúng tôi cho rằng, quy định về điều kiện để xác định thông điệp DLĐT là chứng cứ ở hai điều luật trên là hợp lý. Việc nghiên cứu cho thấy, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định: "Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác". Như vậy, việc BLTTDS năm 2015 thừa nhận chứng cứ điện tử nhưng không quy định điều kiện để nguồn thông điệp DLĐT được xác định là chứng cứ là một thiếu sót. Do đó, thiết nghĩ khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 về xác định chứng cứ cần bổ sung

điều kiện để xác định nguồn thông điệp DLĐT là chứng cứ, có thể bổ sung theo hướng kế thừa từ Luật GDĐT năm 2005 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuy nhiên, cần khắc phục những hạn chế được quy định trong hai văn bản luật nói trên, cụ thể là Luật GDĐT năm 2005 thì không quy định về phương tiện thu thập thông tin DLĐT, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì quy định về giá trị của chứng cứ, nhưng thiếu cụm từ "độ tin cậy" làm cho giá trị của chứng cứ được rút từ nguồn thông điệp DLĐT không bảo đảm độ tin cậy. Theo đó, khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 sẽ được điều chỉnh như sau:

*"Thông điệp dữ liệu điện tử được thể hiện dưới hình thức chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Thông điệp dữ liệu điện tử được thu thập từ phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác.*

*Giá trị chứng cứ của thông tin dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác".*

#### **4. Quy trình thu thập, bảo quản chứng cứ là thông điệp dữ liệu điện tử**

Cũng như các nguồn chứng cứ truyền thống khác, nguồn chứng cứ là thông điệp DLĐT muốn được sử dụng làm chứng cứ phải bảo đảm được thu thập đúng quy trình. Tuy nhiên, việc nghiên cứu Chương VII BLTTDS năm 2015 về chứng cứ và chứng minh cho thấy, không có bất kỳ điều luật nào quy

định về những nội dung này. Như vậy, tòa án sẽ không có căn cứ để xác minh, kiểm tra, đánh giá tính chính xác của chứng cứ. Bên cạnh đó, khả năng làm giả nguồn chứng cứ là thông điệp DLĐT cũng rất cao, nhưng pháp luật tố tụng dân sự cũng không quy định trường hợp nào thì được phép giám định nguồn chứng cứ là thông điệp DLĐT.

Mặt khác, trong bối cảnh toàn thế giới đang tiến vào giai đoạn số hóa, quyền sở hữu và kiểm soát dữ liệu, thông tin trở nên rất quan trọng. Việc kiểm soát dữ liệu bao gồm các hoạt động liên quan đến việc thu thập, bảo quản, lưu trữ bảo mật dữ liệu<sup>11</sup>, nhưng BLTTDS năm 2015 không quy định những nội dung này là một thiếu sót. Bởi lẽ, quá trình giải quyết của vụ án có thể qua nhiều cấp và nhiều lần xét xử, mà bản chất của chứng cứ điện tử là rất dễ bị xóa, bị mất dữ liệu, nên quy định về bảo quản, lưu trữ nguồn tài liệu này cũng rất cần thiết.

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị BLTTDS năm 2015 cần xây dựng bổ sung các điều luật quy định về quy trình thu thập, bảo quản, lưu trữ bảo mật dữ liệu đối với nguồn chứng cứ là DLĐT, đồng thời quy định các trường hợp cần phải giám định nguồn chứng cứ là DLĐT, tạo hành lang pháp lý để tòa án và đương sự sử dụng trong quá trình giải quyết vụ án.

### 5. Kết luận

DLĐT được xem là “nhiên liệu” của thời đại kỹ thuật số, vì các giao dịch dân sự, thương mại đều có xu hướng kỹ thuật

số hóa, tuy nhiên, có sự khác nhau giữa thuật ngữ “dữ liệu điện tử” và “thông điệp dữ liệu điện tử”. Từ những phân tích trong bài viết, chúng tôi kiến nghị BLTTDS năm 2015 nên sử dụng thuật ngữ nguồn chứng cứ là “thông điệp dữ liệu điện tử”. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính khả thi của loại nguồn chứng cứ này, BLTTDS năm 2015 cũng cần bổ sung điều kiện để xác định nguồn thông điệp DLĐT là chứng cứ, quy trình thu thập, bảo quản chứng cứ là thông điệp DLĐT./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản án số 14/2020/KDTM-PT ngày 28/9/2020 về tranh chấp hợp đồng gia công do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử, phần “Nhận định của tòa án”, mục 3.
2. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
3. Cổng dữ liệu quốc gia (2014), *Quản lý dữ liệu và các nguyên tắc quản lý dữ liệu*, [https://data.gov.vn/web/guest/news//asset\\_publisher/FRkblAs8yr3H/content/quanlydulieutotuk](https://data.gov.vn/web/guest/news//asset_publisher/FRkblAs8yr3H/content/quanlydulieutotuk), truy cập ngày 01/02/2023.
4. Dương Sao, *Hoàn thiện quy định về chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự*, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/hoan-thien-quy-dinh-ve-chung-cu-dien-tu-trong-to-tung-dan-su-658592>, truy cập ngày 12/02/2023.
5. <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/information>, truy cập ngày 19/02/2023.
6. Jon Hill, *Data vs Informations: What's the difference?*, <https://bloomfire.com/blog/data-vs-information/>, truy cập ngày 15/01/2023. <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/data>, truy cập 19/2/2023.
7. Luật Giao dịch điện tử năm 2005.
8. Miriyeva Narmin (2021), *Free Trade and E-Commerce: Is There Any Influence on Each Other?*, *Law Series of The Annals of the West University of Timisoara*, [http://acta.bibl.u-szeged.hu/72790/1/forum\\_doctorandorum\\_2020\\_129-139.pdf](http://acta.bibl.u-szeged.hu/72790/1/forum_doctorandorum_2020_129-139.pdf), tr.163, truy cập ngày 11/02/2022.
9. Nguyễn Lê Bảo Trâm (2022), *Quy định của CPTPP về tự do hóa thương mại điện tử và vấn đề kiểm soát dữ liệu điện tử*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.9.

<sup>11</sup> Cổng dữ liệu quốc gia (2014), *Quản lý dữ liệu và các nguyên tắc quản lý dữ liệu*, [https://data.gov.vn/web/guest/news/-/asset\\_publisher/FRkblAs8yr3H/content/quanlydulieutotuk](https://data.gov.vn/web/guest/news/-/asset_publisher/FRkblAs8yr3H/content/quanlydulieutotuk), truy cập ngày 01/02/2023.